

Số: 2127/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 217/TTr-SLĐTBXH ngày 04 tháng 7 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công, Bảo vệ chăm sóc trẻ em, Bảo trợ xã hội và Giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ các thủ tục hành chính (có danh mục kèm theo) lĩnh vực Người có công, lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em tại Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 và Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT.HĐND tỉnh; Ban PC HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng KSTTHC, HTh, DL. 27



**CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Vinh**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI  
QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

**I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Người có công</b>					
01	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ.  (BLD-KHA-286183)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện cấp giấy giới thiệu: 03 ngày làm việc; - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện chi tiền hỗ trợ: 01 ngày làm việc.	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện.	Không	- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTĐTBXH-BTC ngày 03/6/2014 của Liên Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ; - Quyết định số 1734/QĐ-LĐTĐTBXH ngày 25/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
02	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi	Không quy định.	Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp	Không	- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTĐTBXH-

	chức năng. (BLD-KHA-286184)		huyện.		BTC ngày 03/6/2014 của Liên Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ; - Quyết định số 1734/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
<b>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>					
03	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài. (BLD-KHA-286240)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	- Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Liên Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; - Quyết định số 1362/QĐ-LĐTBXH ngày 13/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức

					năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
<b>Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em</b>					
04	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em. (BLD-KHA-286350)	12 giờ kể từ khi nhận được thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện.	Không	- Luật Trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em; - Quyết định số 847/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực trẻ em thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
<b>Lĩnh vực Bảo trợ Xã hội</b>					
05	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi). (BLD-KHA-286110)	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - UBND cấp xã: 18 ngày làm việc; - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện: 07 ngày làm việc; - Chủ tịch UBND cấp huyện: 03 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã

					<p>hội;</p> <p>- Quyết định số 1938/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>
06	<p>Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. (BLD-KHA-286111)</p>	<p>06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <p>- UBND cấp xã: 03 ngày làm việc;</p> <p>- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện: 03 ngày làm việc.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.</p>	<p>Không</p>	<p>- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</p> <p>- Quyết định số 1938/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>
07	<p>Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đổi tượng thay đổi</p>	<p>08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND</p>	<p>Không</p>	<p>- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng</p>

	<p>nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. (BLD-KHA-286112)</p>	<p>hợp lệ, cụ thể: - UBND cấp xã: 03 ngày làm việc; - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp huyện: 05 ngày làm việc.</p>	cấp xã.		<p>bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Quyết định số 1938/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>
08	<p>Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp. (BLD-KHA-286113)</p>	Không quy định.	UBND cấp xã.	Không	<p>- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</p>

					- Quyết định số 1938/QĐ-LĐTĐ ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
09	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng). (BLD-KHA-286114)	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - UBND cấp xã: 18 ngày làm việc; - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện: 07 ngày làm việc; - Chủ tịch UBND cấp huyện: 03 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Quyết định số 1938/QĐ-LĐTĐ ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
10	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

	<p>cộng đồng. (BLD-KHA-286115)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND cấp xã: 02 ngày làm việc;</li> <li>- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp huyện: 03 ngày làm việc.</li> </ul>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</li> <li>- Quyết định số 1938/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> </ul>
11	<p>Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng. (BLD-KHA-286117)</p>	<p>25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND cấp xã: 15 ngày làm việc;</li> <li>- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện: 07 ngày làm việc;</li> <li>- Chủ tịch UBND cấp</li> </ul>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;</li> <li>- Quyết định số 1938/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2015 của</li> </ul>



		huyện: 03 ngày làm việc.			Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
--	--	--------------------------------	--	--	---

## II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
01	T-KHA-265780- TT	Thủ tục xác nhận và giải quyết chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
02	T-KHA-265781- TT	Thủ tục xét duyệt và đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
03	T-KHA-265782- TT	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp truy tặng hoặc tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
04	T-KHA-265783- TT	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
05	T-KHA-265784- TT	Thủ tục hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học và con đẻ của họ.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
06	T-KHA-265785- TT	Thủ tục xác nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
07	T-KHA-265786- TT	Thủ tục hồ sơ giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	Hoà.
08	T-KHA-265787-TT	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi người có công giúp đỡ cách mạng.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
09	T-KHA-265788-TT	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
10	T-KHA-265789-TT	Thủ tục hồ sơ hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần cho người có công cách mạng.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
11	T-KHA-265790-TT	Thủ tục mua bảo hiểm y tế cho người có công.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
12	T-KHA-265791-TT	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
13	T-KHA-265792-TT	Thủ tục đổi hoặc cấp lại "Bằng Tổ quốc ghi công".	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
14	T-KHA-265793-TT	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà cho người có công cách mạng.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
15	T-KHA-265794-TT	Cấp lại Sổ lĩnh tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho người có công.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
16	T-KHA-265795-TT	Hỗ trợ kinh phí cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bố mẹ liệt sĩ thọ 80 tuổi trở lên.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
17	T-KHA-265796-TT	Xác nhận người có công để miễn giảm thuế sử dụng đất lần đầu.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
18	T-KHA-265797-TT	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước, hiện đã về gia đình.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
19	T-KHA-265798-TT	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
20	T-KHA-265799-TT	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
21	T-KHA-265800-TT	Thủ tục trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia nước bạn Lào, Campuchia.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
22	T-KHA-265801-TT	Hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
23	T-KHA-265802-TT	Thủ tục hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
24	T-KHA-265803-TT	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
25	T-KHA-265804-TT	Thủ tục trợ cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		mạng.	Hoà.
26	T-KHA-265805-TT	Thủ tục giải quyết chế độ, chính sách đối với đối người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
27	T-KHA-265705-TT	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
28	T-KHA-265807-TT	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
29	T-KHA-265808-TT	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.
30	BLD-KHA-286355	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà.